TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 505/BC-CTK

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Từ đầu năm 2023 đến nay, tình hình thế giới tiếp tục biến động nhanh, phức tạp, khó lường, tác động, ảnh hưởng đến nhiều quốc gia, khu vực trên phạm vi toàn cầu, nhất là: hậu quả của dịch Covid-19 kéo dài; xung đột Nga - Ukraina, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, chính sách tiền tệ thắt chặt, tăng lãi suất kéo dài dẫn đến suy giảm tăng trưởng, sự phục hồi chậm và sụt giảm nhu cầu tiêu dùng ở nhiều nước; rủi ro trên các thị trường tài chính, tiền tệ, bất động sản quốc tế gia tăng; những thách thức về biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, lương thực, tác động và ảnh hưởng ngày càng nặng nề đến người dân.

Ở trong nước, nền kinh tế chịu tác động từ bên ngoài trên nhiều lĩnh vực, nhất là về xuất khẩu, thương mại, đầu tư, tài chính, tiền tệ, tỷ giá, lãi suất; cạnh tranh trên thị trường quốc tế gia tăng… ảnh hưởng đến các mục tiêu tăng trưởng.

Trên địa bàn tỉnh, trong Quý I/2023, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn như: Giá nguyên liệu đầu vào ở mức cao, thị trường xuất khẩu không thuận lợi do nhu cầu tiêu dùng giảm sút nhưng nhờ tận dụng tốt các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, cùng cơ chế thu hút đầu tư cởi mở, linh hoạt của chính quyền các cấp nên sản xuất công nghiệp duy trì được đà tăng trưởng dương; khu vực dịch vụ có sự hồi phục và phát triển mạnh mẽ; khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản duy trì tăng trưởng ổn định nên tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong quý I/2023 không rơi vào trạng thái tăng trưởng âm như một số tỉnh có quy mô công nghiệp lớn như Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Quảng Nam…

Bước sang Quý II, sản xuất công nghiệp - vốn là động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh tiếp tục gặp khó khăn, đặc biệt là khu vực công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài do thị trường tiêu thụ sụt giảm, số lượng đơn hàng chưa có dấu hiệu tích cực nên kim ngạch xuất khẩu của tỉnh 3 tháng liên tiếp gần đây giảm sâu so với cùng kỳ, ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tuy nhiên, do sản xuất nông nghiệp duy trì được đà tăng trưởng ổn định; các ngành thương mại, dịch vụ tiếp tục đạt tăng trưởng khá nên nhìn chung kinh tế của tỉnh trong quý II nói riêng và 6 tháng đầu năm 2023 nói chung mặc dù chưa có sự bứt phá nhưng cũng đạt được những kết quả khá tích cực, đặc biệt trong bối cảnh nhiều khó khăn, thách thức.

Trên cơ sở kết quả thực hiện 5 tháng và ước tính tháng 6, Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên dự ước một số chỉ tiêu kinh tế 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn ước đạt 5,17% so với cùng kỳ (*thấp hơn mức tăng 7,08% của 6 tháng đầu năm 2022*), trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 3,71%; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 4,15%; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm tăng 7,55%.

2. Giá trị xuất khẩu trên địa bàn ước đạt 13,28 tỷ USD, giảm 21,7% so với cùng kỳ và bằng 37,9% kế hoạch cả năm. Trong đó, giá trị xuất khẩu địa phương ước đạt 340,2 triệu USD, tăng 3,3% so với cùng kỳ và bằng 44,5% kế hoạch cả năm; xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 12,93 tỷ USD, giảm 22,2% so với cùng kỳ.

3. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn ước đạt 8.273 tỷ đồng, giảm 13% so với cùng kỳ và bằng 41,1% dự toán cả năm; trong đó, thu nội địa 7.238 tỷ đồng, giảm 8,2% so với cùng kỳ và bằng 42,8% dự toán.

4. Sản lượng lương thực có hạt vụ Đông Xuân 2023 ước đạt 217,5 nghìn tấn, bằng 105,3% kế hoạch vụ, bằng 49,9% kế hoạch cả năm nhưng giảm 0,8% (tương ứng giảm 1,83 nghìn tấn) so với sản lượng vụ Đông Xuân năm 2022.

Diện tích trồng rừng mới tập trung trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 2,7 nghìn ha, tăng 8% và bằng 78,6% kế hoạch. Diện tích chè trồng mới và trồng lại dự kiến sẽ trồng đại trà vào vụ Thu.

Cụ thể ước tính kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

A. KINH TẾ

I. Tăng trưởng kinh tế và cơ cấu kinh tế

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) 6 tháng đầu năm 2023 ước tính tăng 5,17% so với 6 tháng đầu năm 2022; trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản tăng 3,71%, đóng góp 0,41 điểm phần trăm vào tốc độ tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 4,15%, đóng góp 2,39 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm tăng 7,55%, đóng góp 2,37 điểm phần trăm vào tốc độ tăng trưởng chung.

Trong khu vực vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, ngành nông nghiệp tăng trưởng 3,57% so với cùng kỳ[1]; ngành lâm nghiệp tăng trưởng 5,5%; ngành thuỷ sản tăng trưởng 4,42% do sản lượng thuỷ sản tăng.

Trong khu vực công nghiệp - xây dựng, ngành công nghiệp tăng trưởng 3,63%, đóng góp 1,86 điểm phần trăm vào tốc độ tăng trưởng chung; ngành xây dựng tăng trưởng 8,27%, đóng góp 1,02 điểm phần trăm vào tốc độ tăng trưởng chung. Trong khu vực công nghiệp, tăng trưởng của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

[1] *Cao hơn mức tăng 3,25% của 6 tháng đầu năm 2022 (chủ yếu do tăng trưởng ngành chăn nuôi đạt cao hơn so với cùng kỳ).*

- vốn là động lực tăng trưởng kinh tế của tỉnh chỉ đạt 3,19% (*thấp hơn mức tăng 9,47% của 6 tháng đầu năm 2022*), đóng góp 1,57 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn tỉnh do thị trường xuất khẩu bị thu hẹp nên ngành sản xuất điện tử (*chiếm tỷ trọng 69% giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo*) gặp khó khăn; tăng trưởng của ngành sản xuất điện tử 6 tháng đầu năm 2023 chỉ đạt 3,76% so với cùng kỳ, thấp hơn nhiều mức tăng 8,68% của 6 tháng đầu năm 2022.

Khu vực dịch vụ đã được phục hồi khá toàn diện, quy mô ngày càng tăng kể cả so với thời kỳ trước khi xảy ra dịch Covid-19, đóng góp quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tăng trưởng của khu vực dịch vụ 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 8,42%, trong đó, một số ngành dịch vụ có mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ như: Bán buôn tăng 14,91%; bán lẻ tăng 11,37%; vận tải kho bãi tăng 18%; dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 39,48%; dịch vụ hành chính và hỗ trợ tăng 49,06%; hoạt động dịch vụ khác tăng 21,55%.

Về cơ cấu kinh tế, khu vực công nghiệp – xây dựng chiếm 56,37%, trong đó riêng công nghiệp chiếm 50,87%; khu vực dịch vụ và thuế sản phẩm chiếm 32,73%; khu vực nông, lâm nghiệp và thuỷ sản chiếm 10,9%.

II. Kết quả sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới

Thời gian qua, các địa phương trong tỉnh đã luôn chủ động bám sát, nắm bắt diễn biến, tiến độ, chỉ đạo của ngành chức năng nên hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh đến nay đạt được kết quả khá tích cực. Cùng với đó, điều kiện thời tiết cơ bản thuận lợi cho cây trồng vụ Xuân phát triển; dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm được kiểm soát tốt, giá bán sản phẩm chăn nuôi tuy có giảm so với cùng kỳ nhưng vẫn đảm bảo người chăn nuôi có lãi, sản lượng gỗ khai thác; sản lượng thuỷ sản tăng so với cùng kỳ.

1. Sản xuất nông nghiệp

1.1. Trồng trọt

**** Cây hàng năm:***

Kết kết quả sản xuất vụ Đông Xuân năm 2023: Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Đông Xuân năm 2023 ước đạt gần 59,5 nghìn ha, giảm 0,8% so cùng kỳ năm trước[2]. Trong đó, cây lương thực có hạt đạt 39,7 nghìn ha, bằng 103,4% kế hoạch và giảm 1% so với cùng kỳ[3]; rau các loại đạt 11,6 nghìn ha, bằng 102,2% kế hoạch và tăng 0,8% so cùng kỳ; khoai lang đạt 2 nghìn ha, giảm 10,5% so với cùng kỳ; lạc đạt 2,3 nghìn ha, giảm 7,5% so với cùng kỳ; đậu tương đạt 233,1 ha, giảm 14,2% so với cùng kỳ.

Về sản lượng lương thực có hạt: Ước tính sản lượng lương thực có hạt vụ Đông Xuân năm 2023 đạt 217,5 nghìn tấn, giảm 0,8% so với cùng kỳ (*tương*

---

[2] *Nguyên nhân chủ yếu giảm do chuyển đổi cơ cấu cây trồng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang làm đường giao thông, khu công nghiệp.*

[3] *Diện tích cây lúa đạt 29 nghìn ha giảm 1% so cùng kỳ và đạt 103,3% so với kế hoạch; cây ngô đạt gần 10,7 nghìn ha, giảm 0,9% so với cùng kỳ và đạt 103,7% so với kế hoạch.*

đương giảm 1,83 nghìn tấn), bằng 105,3% kế hoạch trong vụ và đạt 49,9% kế hoạch cả năm (*436 nghìn tấn*). Trong đó, sản lượng lúa là 165 nghìn tấn, giảm 1% so cùng kỳ (*tương đương giảm 1,7 nghìn tấn*), bằng 105,2% kế hoạch trong vụ; sản lượng ngô đạt 52,5 nghìn tấn, giảm 0,2% (*tương đương giảm 125 tấn*) so với cùng kỳ và bằng 105,5% kế hoạch trong vụ. Với ước tính sản lượng như trên, năng suất lúa bình quân đạt 56,85 tạ/ha, bằng 101,8% kế hoạch và giảm 0,1% so cùng kỳ; năng suất cây ngô ước đạt 49,29 tạ/ha, bằng 101,8% kế hoạch và tăng 0,7% so cùng kỳ.

**** Cây lâu năm:***

Trong 6 tháng đầu năm, nhìn chung cây lâu năm trên địa bàn tỉnh phát triển tốt. Hiện nay, cây chè và một số loại cây ăn quả đang cho thu hoạch.

- *Cây chè*: Tổng diện tích cây chè hiện có trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 22,24 nghìn ha, tăng 0,1% so cùng kỳ. Ước tính sản lượng chè búp tươi thu hoạch 6 tháng đầu năm 2023 đạt 114,6 nghìn tấn, tăng 3,4% so cùng kỳ và đạt 43,7% kế hoạch năm.

Năm 2023, toàn tỉnh dự kiến trồng mới, trồng lại 415 ha chè. Các địa phương đang triển khai cho các hộ dân đăng ký nhu cầu trồng chè, chuẩn bị đất và chăm sóc vườn ươm cây giống. Đến nay, đã trồng được 86 ha *(trồng mới 05 ha, trồng lại 81 ha)*, còn lại thực hiện trồng mới và trồng lại chè chủ yếu vào vụ thu.

- *Cây ăn quả*: Tổng diện tích cây ăn quả toàn tỉnh đạt khoảng 14 nghìn ha, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước. Hiện nay, các địa phương đang tiếp tục triển khai cho các hộ dân đăng ký trồng cây ăn quả chủ lực như na, nhãn, bưởi và hướng dẫn người dân cải tạo một số diện tích trồng cây ăn quả kém hiệu quả, năng suất, giá trị thấp.

1.2. Chăn nuôi

Ước tính đến thời điểm 30/6/2023, tổng đàn gia súc trên địa bàn tỉnh đạt gần 637 nghìn con, giảm 7,1% so với cùng kỳ, trong đó, đàn lợn ước đạt 543,2 nghìn con, giảm 7,9% so với cùng kỳ; tổng đàn gia cầm ước đạt 15,2 triệu con, tăng 1,6% so với cùng kỳ, trong đó, riêng đàn gà ước đạt 13,9 triệu con, tăng 3,1% so với cùng kỳ. Trong 6 tháng đầu năm 2023, giá bán thức ăn chăn nuôi, giá con giống tuy có giảm những vẫn ở mức cao trong khi giá bán sản phẩm chăn nuôi không tăng nên mức lãi của người chăn nuôi đạt thấp; cộng với tâm lý e ngại của người chăn nuôi do dịch bệnh xuất hiện ở một số xã nên công tác tái đàn còn hạn chế.

Sản lượng thịt hơi xuất chuồng: Tính riêng quý II/2023, tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 57,2 nghìn tấn, tăng 5,2% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng thịt lợn hơi đạt hơn 28,2 nghìn tấn, tăng 0,5% so với cùng kỳ; sản lượng thịt gia cầm hơi đạt 27,3 nghìn tấn, tăng 10,9% (*riêng thịt gà hơi đạt 23,5 nghìn tấn, tăng 12,5%*).

Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh ước đạt 111,3 nghìn tấn, bằng 50,6% kế hoạch năm và tăng 4,6% so với cùng kỳ. Trong đó, sản lượng thịt lợn hơi đạt 55,2 nghìn tấn *(chiếm 49,6% tổng sản lượng thịt hơi xuất*

chuồng), bằng 56,1% kế hoạch và tăng 1,4% so với cùng kỳ; sản lượng thịt gà hơi đạt 45,9 nghìn tấn *(chiếm 41,2%)*, bằng 46,8% kế hoạch và tăng 7,7% so với cùng kỳ.

Về giá bán sản phẩm chăn nuôi: Chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi các tháng đầu năm nay có xu hướng giảm so với cùng kỳ; giá con giống giảm góp phần giảm bớt gánh nặng chi phí sản xuất cho người chăn nuôi. Cụ thể giá bán bình quân một số sản phẩm chăn nuôi tháng 6/2023 như sau: Chỉ số giá sản phẩm chăn nuôi các tháng đầu năm nay có xu hướng giảm so với cùng kỳ; giá con giống giảm góp phần giảm bớt gánh nặng chi phí sản xuất cho người chăn nuôi. Cụ thể giá bán bình quân một số sản phẩm chăn nuôi tháng 6/2023 như sau: Giá thịt lợn hơi khoảng 54,7 nghìn đồng/kg; giá lợn giống khoảng 102,8 nghìn đồng/kg; giá gà ta thịt hơi khoảng 116 nghìn đồng/kg; giá thịt hơi gà công nghiệp lông trắng khoảng 30 nghìn đồng/kg…

Tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm: Từ đầu năm đến hết tháng 6/2023, trên địa bàn tỉnh phát sinh 02 ổ dịch bệnh lở mồm long móng và viêm da nổi cục trên trâu, bò tại huyện Đồng Hỷ[4]. Ngay sau khi phát hiện, các ổ dịch đã được các cơ quan chức năng thực hiện đầy đủ các quy trình chống dịch theo quy định, không để lây lan trên diện rộng. Đến nay, các địa phương trong tỉnh đã hoàn thành công tác tiêm phòng đợt 1 năm 2023 cho đàn gia súc, gia cầm với gần 1,67 triệu liều vắc xin được tiêm, đảm bảo đúng kế hoạch để ra. Dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm đang được kiểm soát tốt; ngành chức năng của tỉnh đang thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, hướng dẫn người chăn nuôi thực hiện chăn nuôi an toàn sinh học, tiêm phòng các loại vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm theo đúng quy định.

2. Lâm nghiệp

Công tác trồng rừng: Hiện nay, ngành kiểm lâm đang phối hợp với chính quyền các địa phương tiếp tục rà soát diện tích đất lâm nghiệp đủ điều kiện để đăng ký trồng rừng; tuyên truyền trồng rừng gỗ lớn, thâm canh rừng và chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang rừng gỗ lớn trên địa bàn toàn tỉnh; chuẩn bị cây giống phục vụ kế hoạch trồng rừng năm 2023. Riêng trong quý II/2023, trên địa bàn tỉnh trồng rừng tập trung đạt 2.281 ha, tăng 2,8% so cùng kỳ năm trước.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 2.700 ha[5], bằng 78,6% kế hoạch năm và tăng 8% so với cùng kỳ. Trong đó, rừng sản xuất ước đạt 2,54 nghìn ha, tăng 8,3% và rừng phòng hộ ước đạt 155 ha, tăng 3,5%.

Tình hình khai thác lâm sản: Trong quý II/2023, sản lượng gỗ khai thác trên địa bàn tỉnh ước đạt 100 nghìn m^3, tăng 29% so cùng kỳ năm trước. Tính từ đầu năm đến hết 30/6/2023, sản lượng gỗ khai thác ước đạt 143,25 nghìn m^3, tăng 19,4% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng củi khai thác ước đạt 83,2 nghìn ster, tăng 2,9%.

---

[4] *Ngày 17/4/2023 phát hiện 01 ổ dịch lở mồm long móng với tổng số 06 con trâu mắc bệnh tại thị trấn Hoá Thượng; ngày 20/4/2023 phát hiện 01 ổ dịch Viêm da nổi cục trâu, bò với tổng số 09 con bò mắc bệnh (chết buộc phải tiêu hủy 01 con, trọng lượng 330 kg) tại xã Cây Thị, xã Khe Mo và thi trấn Sông Cầu.*

[5] *Chia ra, trồng rừng mới cây quế đạt 400 ha; trồng rừng từ nguồn hỗ trợ dự án và các nguồn vốn khác là 2.300 ha..*

Công tác quản lý và bảo vệ rừng: Tính từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 01 vụ cháy rừng trồng keo tại xóm Đồng Tiến, xã Yên Lạc, huyện Phú Lương *(xảy ra ngày 24/01/2023)* gây thiệt hại 0,8 ha rừng thuộc rừng phòng hộ.

Kết quả xử lý vi phạm Luật Lâm nghiệp: Tính đến 15/6/2023 trên địa bàn tỉnh đã phát hiện và xử lý 39 vụ vi phạm, tịch thu 54,45 m^3 gỗ quy tròn; thu nộp ngân sách Nhà nước 261,95 triệu đồng.

3. Thủy sản

Hiện nay, tổng diện tích mặt nước đưa vào sử dụng toàn tỉnh đạt trên 6 nghìn ha. Các cơ sở sản xuất cá giống trong tỉnh đang tiếp tục nuôi vỗ cá bố mẹ, cho đẻ các loại cá chép, trắm cỏ, mè trắng, trôi trắng, cá rô phi…; ương từ cá bột lên cá hương các loại cá giống. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, sản lượng thủy sản trên địa bàn tỉnh ước đạt 7,3 nghìn tấn, tăng 5,6% so với cùng kỳ năm trước. Bao gồm, sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 125,3 tấn, giảm 2,4% so với cùng kỳ; sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 7,2 nghìn tấn, tăng 5,7% so với cùng kỳ.

Sản xuất giống thủy sản trên địa bàn toàn tỉnh đạt 577 triệu cá giống nội địa, tăng 5,5% so với cùng kỳ. Hoạt động nuôi trồng thủy sản đã có nhiều chuyển biến, nhiều diện tích đã được chuyển sang nuôi thâm canh và bán thâm canh với các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao.

4. Chương trình xây dựng nông thôn mới

Trong 6 tháng đầu năm 2023, ngành chức năng của tỉnh đã hoàn thành việc thẩm định và trình Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM), 09 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 04 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu năm 2022; hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP) năm 2023. Toàn tỉnh hiện có 108/126 xã đạt chuẩn nông thôn mới, bằng 85,7% tổng số xã; 17 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 88 xóm nông thôn mới kiểu mẫu; bình quân đạt 18,2 tiêu chí/xã và không có xã dưới 10 tiêu chí. Bên cạnh đó, các ngành, địa phương đang tiếp tục tiến hành rà soát, hỗ trợ 11 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới; 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 4 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu.

Ngày 24/5/2023, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 567/QĐ-TTg công nhận huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023. Như vậy, tính đến thời điểm hiện nay, tỉnh Thái Nguyên đã có 04 địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới là TP Thái Nguyên, TP Sông Công, TP Phổ Yên và huyện Phú Bình.

III. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp của tỉnh nói riêng và cả nước nói chung trong 6 tháng đầu năm 2023 gặp khó khăn do giá nguyên liệu đầu vào, năng lượng vẫn ở mức cao đã tác động đến chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Kinh tế thế giới phục hồi chậm, lạm phát toàn cầu ở mức cao đã tác động đến cầu tiêu dùng, khiến nhu cầu nhập khẩu của nhiều quốc gia trên thế giới sụt giảm, đặc biệt là các nước là thị trường nhập khẩu hàng hoá lớn của tỉnh ta như Mỹ, EU... Bên cạnh đó, các doanh

nghiệp còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn, lãi suất ngân hàng, khả năng hấp thụ vốn giảm…

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tính tháng tháng 6/2023 tăng 0,11% so với tháng trước và tăng 3,92% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành khai khoáng giảm 0,26% so với tháng trước và giảm 3,78% so với cùng kỳ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,03% so với tháng trước và tăng 4,14% so với cùng kỳ; ngành sản xuất, phân phối điện tăng 2,03% so với tháng trước và tăng 1,04% so với cùng kỳ; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý rác thải, nước thải tăng 2,71% so với tháng trước và tăng 10,02% so với cùng kỳ.

Do sản lượng sản xuất một số sản phẩm trong quý II/2023 đạt thấp như sản xuất kim loại; dệt; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu; khai thác khoáng sản… nên IIP quý II/2023 chỉ tăng 2,7% so với cùng kỳ (*thấp hơn mức tăng 5,62% của quý I/2023*). Trong đó, ngành khai khoáng giảm 8,66%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,66%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 9,93%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý rác thải, nước thải tăng 14,2%.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, IIP tăng 4,14% s với cùng kỳ; trong đó, ngành khai khoáng giảm 4,78%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,14%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,26%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý rác thải, nước thải tăng 22,48%.

Trong nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, một số ngành có IIP 6 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kỳ với mức tăng cao hơn mức tăng IIP chung như: Sản xuất trang phục (+7,29%); Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (+13,83%); in, sao chép bản ghi các loại (+27,5%); sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (+28,52%); sản xuất thiết bị điện (+108,24%)…. Ở chiều ngược lại, một số ngành có IIP 6 tháng đầu năm 2023 giảm sâu so với cùng kỳ như: Sản xuất máy móc, thiết bị (-63,23%); dệt (-23,73%); sản xuất, chế biến thực phẩm (-20,46%); sản xuất kim loại (-11,44%)…

IV. Thương mại, dịch vụ

1. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ

Tiếp nối đà phục hồi và phát triển của năm 2022, hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh trong 6 tháng đầu năm 2023 tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng khá. Các doanh nghiệp, trung tâm thương mại, hệ thống siêu thị và các cơ sở kinh doanh chủ động chuẩn bị nguồn hàng hoá dồi dào, phong phú, đa dạng, phục vụ nhu cầu của người dân; giá cả các mặt hàng thiết yếu, tình hình cung - cầu hàng hoá trên thị trường không có biến động bất thường… góp phần làm tăng sức mua trên thị trường. Bên cạnh đó, các cấp ngành, địa phương trong tỉnh tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; tổ chức các hội chợ, phiên chợ đưa hàng Việt về phục vụ nông thôn; đẩy mạnh xúc tiến thương mại để mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa của địa phương; cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, tổ chức hội chợ, triển lãm; tích cực và chủ động thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế tạo điều kiện cho các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thị trường; tích cực gắn kết, hợp tác để

phát triển du lịch; khai thác, phát triển đa dạng các loại hình du lịch, sản phẩm du lịch của tỉnh.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 6 năm 2023 ước đạt 5.547,2 tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 23,9% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 3.932,9 tỷ đồng (*chiếm 70,9% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng*), tăng 1,9% so với tháng trước và tăng 15,8% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 963,8 tỷ đồng, tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 84,6% so cùng kỳ, doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 18,5 tỷ đồng, tăng 3,7% so với tháng trước và tăng 1,8% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 632,1 tỷ đồng, giảm 0,3% so với tháng trước và tăng 17,2% so với cùng kỳ.

Tính chung quý II/2023, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 11.668 tỷ đồng, giảm 3,3% so với quý trước và tăng 20,5% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 2.872,8. tỷ đồng, tăng 104% so với cùng kỳ; doanh thu lịch vụ lữ hành ước đạt 53,9 tỷ đồng, tăng 49,6% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 1.916,1 tỷ đồng, tăng 21,1% so với cùng kỳ.

Ước tính 6 tháng đầu năm 2023, tổng mức bản lẻ hàng hóa và doanh thu tiêu dùng ước đạt 33.468,5 tỷ đồng, tăng 37,5% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 23.734,4 tỷ đồng, tăng 25,5% so với cùng kỳ năm trước (*do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên doanh thu 6 tháng đầu năm 2022 đạt thấp*); doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 5.669,9 tỷ đồng, tăng 151,8%; doanh thu dịch vụ du lịch, lữ hành ước đạt 104,4 tỷ đồng, tăng 169,9% so với cùng kỳ (*do hoạt động du lịch phục hồi mạnh mẽ*); doanh thu dịch vụ khác ước đạt 3.959,7 tỷ đồng, tăng 26,5% so với cùng kỳ.

Có thể thấy rằng, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 6 tháng đầu năm 2023 đã có sự phục hồi và phát triển mạnh mẽ, đạt quy mô và tốc độ tăng trưởng cao nhất trong vòng nhiều năm trở lại đây, kể cả so với các năm trước khi xảy ra dịch Covid-19; đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế của tỉnh trong 6 tháng đầu năm 2023, nhất là trong bối cảnh sản xuất công nghiệp đang gặp khó khăn như hiện nay

Với kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm 2023 như trên, để đạt được kế hoạch tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả năm 2023 là 63,8 nghìn tỷ đồng thì 6 tháng cuối năm 2023 cần đạt 30,3 nghìn tỷ đồng, tương ứng bằng 95,3% so với cùng kỳ và bằng 90,6% với 6 tháng đầu năm 2023. Như vậy, trong 6 tháng cuối năm 2023 chỉ cần duy trì doanh thu bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng tương đương cùng kỳ thì sẽ hoàn thành kế hoạch năm 2023; nếu tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng ngành thương mại, dịch vụ trong 6 tháng cuối năm đạt như 6 tháng đầu năm thì sẽ hoàn thành sớm kế hoạch cả năm 2023.

2. Xuất, nhập khẩu hàng hoá

Trong bối cảnh kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cùng lúc phải chịu ảnh hưởng từ việc đơn hàng bị cắt giảm, thiếu vốn, việc tiếp cận vốn gặp khó khăn, tỷ giá ngoại tệ biến động tăng, chi phí nguyên vật

liệu đầu vào vẫn ở mức cao... tiếp tục ảnh hưởng đến kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Liên tiếp từ tháng 3/2023 đến nay, giá trị xuất khẩu hàng hoá đều giảm sâu so với cùng kỳ.

Ước tính tổng giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2023 đạt 20,92 tỷ USD, giảm 23,5% so với cùng kỳ. Trong đó, tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá ước đạt 13,28 tỷ USD, giảm 21,7% so với cùng kỳ; tổng giá trị nhập khẩu hàng hoá ước đạt 7,64 tỷ USD, giảm 26,3% so với cùng kỳ. Cán cân thương mại 6 tháng đầu năm 2023 ước tính thặng dư 5,64 tỷ USD.

Giá trị xuất - nhập khẩu hàng hoá 6 tháng đầu năm giai đoạn 2019-2023

ĐVT: Triệu USD

	2019	2020	2021	2022	2023
1. Tổng giá trị xuất, nhập khẩu	**22.410,8**	**18.876,9**	**21.053,0**	**27.329,1**	**20.918,0**
- Xuất khẩu	14.466,7	11.828,9	12.966,6	16.962,9	13.278,9
- Nhập khẩu	7.944,1	7.048,0	8.086,4	10.366,2	7.639,2
Chênh lệch xuất khẩu - nhập khẩu	***6.522,6***	***4.780,9***	***4.880,2***	***6.596,8***	***5.639,7***
2. Tốc độ tăng tổng giá trị XNK so với cùng kỳ	**15,4**	**-15,8**	**11,5**	**29,8**	**-23,5**
- Xuất khẩu	16,5	-18,2	9,6	30,8	-21,7
- Nhập khẩu	13,6	-11,3	14,7	28,2	-26,3

Đây là năm có tổng giá trị xuất nhập khẩu hàng hoá giảm sâu nhất so với cùng kỳ (*giảm sâu hơn cả năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19*) trong vòng 5 năm trở lại đây.

2.1. Xuất khẩu hàng hoá

Tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh tháng 6/2023 ước đạt 2.254,8 triệu USD, tăng 31,9% so với tháng trước và giảm 9,2% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 2.194,8 triệu USD (*chiếm tỷ trọng 97,3%*), tăng 32,8% so với tháng trước, giảm 9,4% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế trong nước ước đạt 60 triệu USD, tăng 3,7% so với tháng trước và giảm 3,1% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do nhóm hàng điện thoại, máy tính bảng và điện tử khác (*chiếm 94,8% tổng giá trị xuất khẩu trên địa bàn*) chỉ đạt 2.136,9 triệu, giảm 9,9%; sản phẩm từ sắt thép 2,4 triệu USD, giảm 13,5%; phụ tùng vận tải 0,5 triệu USD, giảm 9,2%.

Tính chung quý II/2023, tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn ước đạt 6.018,3 triệu USD, giảm 17,11% so với quý trước và giảm 29,69% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 176,7 triệu USD, tăng 2,57% so với quý trước và giảm 0,7% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 5.841,5 triệu USD (*chiếm 97,06% trong tổng giá trị xuất khẩu*), giảm 17,59% so với quý trước và giảm 30,31% so với cùng kỳ.

Nhóm hàng hóa có giá trị xuất khẩu quý II/2023 ước tính giảm so với cùng kỳ như: Sản phẩm từ sắt thép đạt 7,6 triệu USD, giảm 25,2%; kim loại màu và tinh quặng kim loại màu đạt 64,7 triệu USD, giảm 13,5%; nhóm điện thoại, máy tính bảng và điện tử khác đạt 5.697,9 triệu USD, giảm 29,9%. Ở chiều ngược lại, một số nhóm hàng hoá có giá trị nhập khẩu trong quý II/2023 ước tính tăng so với cùng kỳ như: Sản phẩm may đạt 124,6 triệu USD, tăng 9,6%; phụ tùng vận tải đạt 1,6 triệu USD, tăng 7,5%.

Ước tính 6 tháng đầu năm 2023, tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh đạt 13,3 tỷ USD, giảm 21,7% so với cùng kỳ và bằng 37,9% kế hoạch cả năm. Trong đó, xuất khẩu do địa phương quản lý ước đạt 340,2 triệu USD, tăng 3,3% so với cùng kỳ; xuất khẩu của các đơn vị Nhà nước Trung ương đạt 8,9 triệu USD, tăng 18,9% so với cùng kỳ; xuất khẩu của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt khoảng 12,9 tỷ USD, giảm 22,2% so với cùng kỳ.

Nhóm các mặt hàng có giá trị xuất khẩu tỉnh chung 6 tháng đầu năm 2023 ước giảm so với cùng kỳ như: Nhóm điện thoại thông minh, máy tính bảng và sản phẩm điện tử khác ước đạt 12,5 tỷ USD (*chiếm 94,5% tổng giá trị xuất khẩu*), giảm 22%[6]; giấy và các sản phẩm từ giấy 1,9 triệu USD, giảm 7,9%; sản phẩm từ sắt thép 16,5 triệu USD, giảm 20,5%; kim loại màu và tinh quặng kim loại màu 132 triệu USD, giảm 15,6%; chè các loại 0,8 triệu USD, giảm 30,3%. Ở chiều ngược lại, nhóm hàng có giá trị xuất khẩu tính chung 6 tháng đầu năm 2023 ước tính tăng so với cùng kỳ như: Sản phẩm may 256,3 triệu USD, tăng 15,7%; phụ tùng vận tải đạt 3,3 triệu USD, tăng 9,1%.

Với kết quả ước tính 6 tháng đầu năm 2023 như trên, để đạt được kế hoạch xuất khẩu cả năm là 35 tỷ USD thì xuất khẩu 6 tháng cuối năm phải đạt 21,7 tỷ USD, tăng 68,2% so với cùng kỳ và tăng 63,6% so với 6 tháng đầu năm 2023; như vậy, bình quân mỗi tháng trong 6 tháng cuối năm 2023 giá trị xuất khẩu phải đạt 3,6 tỷ USD. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn, nhất là các nền kinh tế lớn khiến cho sức cầu nhập khẩu hàng hoá của các quốc gia này giảm sút, nhất là đối với các mặt hàng không thiết yếu như điện thoại di động, máy tính bảng vốn là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh trong nhiều năm qua. Do đó, để hoàn thành mục tiêu xuất khẩu cả năm 2023 là rất khó khăn.

2.2. Nhập khẩu hàng hóa

Tổng giá trị nhập khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh tháng 6/2023 ước đạt 1.333,1 triệu USD, tăng 29,3% so với tháng trước và giảm 1,8% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 37,9 triệu USD, tăng 5,3% so với tháng trước và giảm 2,8% so với cùng kỳ[7]; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 1.295,2 triệu USD, tăng 30,1% so với tháng trước và giảm 1,8% so với cùng kỳ.

---

[6] *Trong đó, điện thoại thông minh ước đạt 3,2 tỷ USD, giảm 3,1%; máy tính bảng ước đạt 0,9 tỷ USD, giảm 38% so với cùng kỳ; nhóm sản phẩm điện tử khác và phụ tùng ước đạt 8,4 tỷ USD, giảm 25,4% so với cùng kỳ.*

[7] *Khu vực kinh tế Nhà nước ước đạt 2,5 triệu USD, giảm 2,8% so với tháng trước, giảm 39,5% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế tư nhân ước đạt 35,5 triệu USD, tăng 5,9% so với tháng trước, tăng 1,5% so với cùng kỳ*

Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu các mặt hàng nhập khẩu của tỉnh là nhóm nguyên liệu và linh kiện điện tử ước đạt 1.258,9 triệu USD (*chiếm 94,4%*), giảm 0,3% so với cùng kỳ; tiếp đến là nhóm vải các loại ước đạt 16,2 triệu USD, tăng 19,9% so với cùng kỳ; nhóm máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 11,9 triệu USD, giảm 13,6% so với cùng kỳ; nguyên, phụ liệu dệt may đạt 6,2 triệu USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ…

Tính chung quý II/2023, tổng giá trị nhập khẩu hàng hoá trên địa bàn tỉnh ước đạt 3.424,8 triệu USD, giảm 18,7% so với quý trước và giảm 30,3% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 110,7 triệu USD, giảm 1,2% so với quý trước và giảm 4,6% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 3.314,1 triệu USD, giảm 19,2% so với quý trước và giảm 30,9% cùng kỳ.

Các nhóm hàng hoá có giá trị nhập khẩu trong quý II/2023 ước giảm sâu so với cùng kỳ như: Nguyên liệu và linh kiện điện tử 3,2 tỷ USD, giảm 30,3%; nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc đạt 11,3 triệu USD, giảm 34,7%; sản phẩm từ sắt thép đạt 7,4 triệu USD, giảm 37%. Ở chiều ngược lại, một số nhóm hàng có giá trị nhập khẩu ước tính quý II/2023 tăng so với cùng kỳ như: Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng 33,6 triệu USD, tăng 3,6%; vải các loại đạt 47,2 triệu USD, tăng 7,9%…

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, tổng giá trị nhập khẩu hàng hoá ước đạt 7,6 tỷ USD, giảm 26,3% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế Nhà nước ước đạt 16,2 triệu USD, giảm 20,7%; khu vực kinh tế tư nhân ước đạt 206,5 triệu USD, tăng 4,5%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 7,4 tỷ USD, giảm 26,9% so với cùng kỳ.

Nhóm mặt hàng ước tính có giá trị nhập khẩu 6 tháng đầu năm 2023 giảm so với cùng kỳ như: Nguyên liệu và linh kiện điện tử 7,1 tỷ USD, giảm 27,3%; giấy các loại 3 triệu USD, giảm 26,1%; sản phẩm từ sắt thép đạt 16,9 triệu USD, giảm 23,2%. Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng có giá trị nhập khẩu tính chung 6 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kỳ như: Nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc 29,9 triệu USD, tăng 10,2%; vải các loại 87,5 triệu USD, tăng 9,9%; nguyên phụ liệu dệt may 36,5 triệu USD, tăng 7,6%; chất dẻo (*plastic*) nguyên liệu 46,1 triệu USD, tăng 3,9%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng 70,2 triệu USD, tăng 1,1%.

3. Vận tải

Hoạt động vận tải, kho bãi trên địa bàn tỉnh trong 6 tháng đầu năm 2023 diễn ra khá sôi động, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hoá phục vụ sản xuất, tiêu dùng và nhu cầu đi lại của người dân.

Doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi trên địa bàn tỉnh tháng 6/2023 ước đạt 609,7 tỷ đồng, tăng 2% so với tháng trước và tăng 17,6% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 440,2 tỷ đồng, tăng 1,8% so với tháng trước và tăng 14,7% so với cùng kỳ; doanh thu vận tải hành khách ước đạt 114,3 tỷ đồng, tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 36,3% so với cùng kỳ; doanh thu hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 55,2 tỷ đồng, tăng 1,9% so với tháng trước và tăng 8,7% so với cùng kỳ.

Tính chung quý II/2023, doanh thu vận tải kho bãi trên địa bàn tỉnh ước đạt 1.792,9 tỷ đồng, tăng 1,9% so với quý trước và tăng 20,5% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hành khách ước đạt 331,9 tỷ đồng, tăng 3,4% so với quý trước và tăng 39,4% so với cùng kỳ; doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 1.299,2 tỷ đồng, tăng 1,9% so với tháng trước và tăng 17,9% so với cùng kỳ; doanh thu hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 161,9 tỷ đồng, giảm 0,6% so với tháng trước nhưng tăng 9,9% so với cùng kỳ.

Ước tính 6 tháng đầu năm 2023, tổng doanh thu vận tải, kho bãi trên địa bàn tỉnh ước đạt 3.551,6 tỷ đồng, tăng 28,7% so với cùng kỳ. Trong đó, doanh thu vận tải hành khách ước đạt 652,8 tỷ đồng, tăng 50,9%; doanh thu vận tải hàng hóa ước đạt 2.574,2 tỷ đồng, tăng 24,6%; doanh thu hoạt động dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 324,7 tỷ đồng, tăng 24,3% so với cùng kỳ.

Vận tải hành khách: Khối lượng vận chuyển hành khách tháng 6/2023 ước đạt 2,6 triệu lượt hành khách, tăng 2% so với tháng trước và tăng 33,3% so với cùng kỳ; khối lượng luân chuyển hành khách ước đạt 120,9 triệu lượt hành khách.km, tăng 2,4% so với tháng trước và tăng 36,1% so với cùng kỳ.

Tính chung quý II/2023, khối lượng vận chuyển hành khách ước đạt 7,6 triệu lượt hành khách, tăng 1,8% so với quý trước và tăng 31,5% so với cùng kỳ; khối lượng luân chuyển hành khách ước đạt 356,2 triệu lượt hành khác.km, tăng 3,1% so với quý trước và tăng 33,5% so với cùng kỳ.

Ước tính 6 tháng đầu năm 2023, khối lượng vận chuyển hành khách ước đạt 15,1 triệu lượt hành khách, tăng 43,7%; khối lượng luân chuyển hành khách ước đạt 701,7 triệu lượt hành khách.km, tăng 45,6% so với cùng kỳ.

Vận tải hàng hóa: Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng 6/2023 ước đạt 4,5 triệu tấn tương ứng với khối lượng luân chuyển là 191,6 triệu tấn.km; so với tháng trước tháng trước tăng 1,5% về khối lượng hàng hoá vận chuyển và tăng 1,6% về khối lượng hàng hoá luân chuyển; so với cùng kỳ, tăng 12,6% về khối lượng hàng hoá vận chuyển và tăng 15% về khối lượng hàng hóa luân chuyển.

Tính chung quý II/2023, khối lượng vận chuyển hàng hóa ước đạt 13,9 triệu tấn, tăng 0,9% so với quý trước và tăng 11,3% so với cùng kỳ; khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 577,5 triệu tấn.km, tăng 0,4% so với quý trước và tăng 14% so với cùng kỳ.

Ước tính 6 tháng đầu năm 2023 khối lượng vận chuyển hàng hóa ước đạt 27,7 triệu tấn, tăng 17,6%; khối lượng luân chuyển hàng hóa ước đạt 1.152,7 triệu tấn.km, tăng 20,2% so với cùng kỳ.

Có thể thấy rằng, trong 6 tháng đầu năm 2023 sản lượng các loại hình vận tải đều phục hồi tốt, chất lượng phương tiện, chất lượng phục vụ, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp dịch vụ được đẩy mạnh, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân, doanh nghiệp. Với hệ thống thể chế chính sách về vận tải, hệ thống hạ tầng giao thông ngày càng được hoàn thiện, doanh thu và sản lượng vận tải trong 6 tháng cuối năm 2023 sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

4. Giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2023 nói riêng và 6 tháng đầu năm 2023 chịu tác động của các yếu tố như: Nhà nước điều chỉnh giá xăng, dầu theo biến động của giá thế giới; giá điện sinh hoạt tăng; giá các mặt hàng lượng thực, thực phẩm và đồ dùng gia đình biến động theo mùa vụ…

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 6/2023 tăng 0,16% so với tháng trước; giảm 0,85% so với cùng kỳ và giảm 2,03% so với tháng 12/2022:

So với tháng trước, CPI tháng 6/2023 tăng 0,16%. 4/11 nhóm hàng hoá, dịch vụ có chỉ số giá tăng là: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,6% (*nhóm lương thực giảm 0,16%; nhóm thực phẩm tăng 0,86% do giá nhóm thịt gia súc tăng 4,28% kéo theo giá nhóm thịt chế biến tăng 2,03%; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 0,02%*); nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,18% (*do giá máy điều hoà nhiệt độ tăng 3,48%; giá quạt điện tăng 4,26%*) ; nhóm văn hoá, giải trí và du lịch tăng 0,15% (*do giá phòng nghỉ tăng 6,06%*); nhóm giao thông tăng 0,02% (*do giá nhiên liệu tăng 0,48%*). 3/11 nhóm hàng hoá, dịch vụ có chỉ số giá giảm là: Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (VLXD) giảm 0,21%; nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,56%; nhóm hàng hoá và dịch vụ khác giảm 0,02%. 4/11 nhóm hàng hoá, dịch vụ còn lại có chỉ số giá ổn định là: Nhóm đồ uống và thuốc lá, nhóm may mặc, mũ, nón, giầy dép; nhóm thuốc và dịch vụ y tế và nhóm giáo dục.

So với cùng kỳ (tháng 6/2022), CPI tháng 6/2023 giảm 0,85%. 03/11 nhóm hàng hoá, dịch vụ có chỉ số giá giảm là: Nhóm giao thông giảm 13,45% (*do giá nhóm nhiên liệu giảm 31,01%; giá nhóm phương tiện đi lại giảm 1,68%*); nhóm bưu chính, viễn thông giảm 1,84% (*do giá nhóm thiết bị điện thoại giảm 6,44%*); nhóm may mặc, mũ, nón, giầy dép giảm 0,47% (*do giá nhóm quần áo may sẵn giảm 1,1%*). Các nhóm hàng hoá, dịch vụ còn lại đều có chỉ số giá tăng với mức tăng dao động từ 0,3% đến 3,09%.

So với tháng 12/2022, CPI tháng 6/2023 giảm 2,03%. Trong 11 nhóm hàng hoá, dịch vụ tính chỉ số giá có 05 nhóm hàng hoá, dịch vụ có chỉ số giá giảm, trong đó, giảm mạnh nhất là nhóm giáo dục giảm 38,48% (*giá dịch vụ giáo dục giảm 44,26% do được hỗ trợ giá học phí tăng theo Nghị quyết của HĐND tỉnh*); các nhóm còn lại có chỉ số giá giảm thấp hơn mức giảm chỉ số giá chung là: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0,18%); nhóm đồ uống và thuốc lá (-0,23%); nhóm may mặc, mũ, nón, giầy dép (0,83%). 6 nhóm hàng hoá và dịch vụ còn lại đều có chỉ số giá tăng với mức tăng dao động từ 0,15% đến 1,84%.

CPI bình quân quý II/2023 giảm 2,34% so với quý trước và giảm 0,58% so với cùng kỳ:

So với quý trước (quý I/2023), CPI quý II/2023 giảm 2,34%. Trong 11 nhóm hàng hoá, dịch vụ tính chỉ số giá duy nhất nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng nhẹ 0,01%; 10 nhóm hàng hoá, dịch vụ còn lại đều có chỉ số giá giảm, trong đó, giảm nhiều nhất là nhóm giáo dục giảm 38,5% (*do giá dịch vụ giáo dục giảm 44,26%)*, các nhóm hàng hoá, dịch vụ còn lại có chỉ số giá giảm dao động từ 0,03% đến 0,85%.

So với cùng kỳ (*quý II/2022*), CPI quý II/2023 giảm 0,58%. 04 nhóm hàng hoá, dịch vụ có chỉ số giá giảm là: Nhóm giao thông giảm 9,95%; nhóm bưu chính viễn thông giảm 1,68%; nhóm may mặc, mũ, nón, giầy dép giảm 0,39%; nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD giảm 0,27%. 07 nhóm hàng hoá, dịch vụ còn lại đều có chỉ số giá tăng là: Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,62%; nhóm hàng hoá và dịch vụ khác tăng 0,66%; nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,78%; nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,8%; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,04% (*nhóm lương thực tăng 1,99%; nhóm thực phẩm tăng 0,76%; nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 1,54%*); nhóm văn hoá, giải trí và du lịch tăng 1,17%; nhóm giáo dục tăng 3,11%;

Bình quân 6 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 1,39% so với bình quân cùng kỳ:

Trong 11 nhóm hàng hoá, dịch vụ tính chỉ số giá, chỉ có 02 nhóm hàng hoá, dịch vụ có chỉ số giá giảm là nhóm giao thông giảm 6,88% (*do giá nhiên liệu giảm 17,87%*); nhóm bưu chính, viễn thông giảm 1,34% (*do giá thiết bị điện thoại di động giảm 4,73%*).

09 nhóm hàng hoá, dịch vụ còn lại đều có chỉ số giá tăng; trong đó, 03 nhóm có chỉ số giá tăng cao hơn mức tăng chỉ số giá chung là: Nhóm giáo dục tăng 31,54% (*do giá học phí tăng theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ*); nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,14% (*do giá lương thực tăng 2,62%; giá thực phẩm tăng 1,94% và giá ăn uống ngoài gia đình tăng 2,66%);* 06 nhóm hàng hoá, dịch vụ còn lại có mức tăng thấp hơn mức tăng chỉ số giá chung là: Nhóm may mặc, mũ, nón, giầy dép (+0,01%); nhóm văn hoá, giải trí, du lịch (+0,48%); nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD (+0,54%); nhóm thuốc và dịch vụ y tế (+0,81%); nhóm hàng hoá và dịch vụ khác (+0,81%); nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình (+1,04%).

Chỉ số giá vàng: Giá vàng trong nước tăng biến động cùng chiều với giá vàng thế giới nên chỉ số giá vàng tháng 6/2023 giảm 1,11% so với tháng trước, tăng 3,18% so với cùng kỳ năm trước và tăng 5,31% so với tháng 12/2022. Bình quân quý II/2023, chỉ số giá vàng tăng 3,71% so với quý trước và tăng 2,02% so với cùng kỳ. Bình quân 6 tháng đầu năm 2023, chỉ số giá vàng tăng 1,09% so với cùng kỳ.

Chỉ số Đô la Mỹ: Chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 6/2023 tăng 0,16% so với tháng trước, tăng 1,21% so với cùng kỳ năm trước và giảm 1,4% so với tháng 12/2022. Bình quân quý II/2023, chỉ số giá Đô la Mỹ giảm 0,39% so với quý trước và tăng 1,91% so với cùng kỳ. Bình quân 6 tháng đầu năm 2023, chỉ số đô la Mỹ tăng 2,72% so với cùng kỳ.

V. Đầu tư

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội: Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 23,9 nghìn tỷ đồng, tăng 9,9% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn đầu tư của khu vực kinh tế trong nước ước đạt 16,1 nghìn tỷ đồng

(*chiếm 67,2% tổng vốn đầu tư của tỉnh*), tăng 8,2% so với cùng kỳ[8]; còn lại là vốn của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 7,8 nghìn tỷ đồng, tăng 13,6% so với 6 tháng đầu năm 2022.

Giải ngân vốn đầu tư công: Tính đến thời điểm 31/5/2023, trên địa bàn tỉnh thực hiện giải ngân 1.763,3 tỷ đồng vốn đầu tư công, đạt 22,4% kế hoạch vốn do Thủ tướng giao và đạt 20,6% kế hoạch địa phương giao. Trong đó, thanh toán vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời hạn thanh toán theo quy định là 85.118/ 262.695 triệu đồng đạt 32,4% kế hoạch.

Ước tính đến hết ngày 30/6/2023, toàn tỉnh giải ngân được khoảng 3.010 tỷ đồng vốn đầu tư công đạt 38,3% kế hoạch vốn do Thủ tướng giao và đạt 35,2% kế hoạch địa phương giao. Trong bối cảnh sản xuất công nghiệp gặp khó khăn thì đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là giải pháp quan trọng và hiệu quả để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, do vậy các địa phương, chủ đầu tư, ban quản lý dự án cần tiếp tục chủ động, tích cực và quyết liệt trong công tác triển khai, thi công, nghiệm thu khối lượng thực hiện, khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thủ tục thanh toán. Đồng thời, các ngành chức năng của tỉnh cần tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư thanh, quyết toán vốn đầu tư công.

Tiến độ thực hiện đầu tư một số dự án trên địa bàn:

- Dự án Phát triển tổng hợp đô thị động lực TP. Thái Nguyên với tổng mức đầu tư 2.250 tỷ đồng *(trong đó vốn vay Ngân hàng Thế giới trên 1.200 tỷ đồng, còn lại là vốn đối ứng địa phương tự cân đối)*. Đến nay, đã hoàn thành 4/9 hạng mục công trình và đang gấp rút triển khai thi công 05 hạng mục công trình còn lại, giá trị khối lượng hoàn thành đạt từ 75% - 95% giá trị thực hiện gói thầu. Dự kiến, trong tháng 9/2023 sẽ hoàn thành các hạng mục của Dự án.

- Dự án tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên - Bắc Giang - Vĩnh Phúc với tổng mức đầu tư 4.204 tỷ đồng. Dự án có tổng chiều dài 42,55 km, bao gồm tuyến chính dài 36,51 km, đoạn nối với tỉnh Vĩnh Phúc và đường tỉnh 216 dài 6,04 km. Đến nay, công tác giải phóng mặt bằng đạt 86,32%[9]. Trong thời gian tới, cần tiếp tục tăng cường huy động lực lượng, thiết bị và tổ chức thêm các mũi thi công để đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, không để ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

- Dự án đường vành đai V đoạn qua khu vực tỉnh Thái Nguyên *(đoạn từ huyện Phú Bình nối với tỉnh Bắc Giang)* với tổng mức đầu tư 699,3 tỷ đồng. Đến nay, dự án đã giải phóng mặt bằng đạt 83.6% và đang triển khai 02 gói thầu thi công xây lắp (*trong đó, có thi công 02 cầu trên tuyến, giá trị xây lắp đạt khoảng 4% hợp đồng*). Trong thời gian tới, chủ đầu tư tiếp tục phối hợp với UBND huyện Phú Bình đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư, tiếp tục chỉ đạo nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công theo quy định.

---

[8] *Trong đó, vốn Nhà nước quản lý đạt gần 4,2 nghìn tỷ đồng, tăng 8,5% so với cùng kỳ; vốn của tư nhân và dân cư ước đạt 11,9 nghìn tỷ đồng, tăng 8,1% so với cùng kỳ.*

[9] *Địa bàn TP Phổ Yên đạt 85,9%; địa bàn huyện Đại Từ đạt 87,6%; đã triển khai thi công đào đắp được 33,85/42,55 km; 8/11 cầu, 15/28 hầm chui dân sinh với giá trị thi công xây lắp đạt khoảng 15,71% giá trị hợp đồng.*

- Dự án xây dựng Sân vận động tỉnh Thái Nguyên với tổng mức đầu tư 535,99 tỷ đồng. Đến nay, đã giải phóng mặt bằng được 10,04 ha/15,47 ha; đang triển khai thực hiện thi công các hạng mục san nền, đường giao thông tuyến chính và tuyến hoàn trả; còn 02 hộ chưa nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, 14/27 hộ có nhà trên đất đã nhận tiền bồi thường giải phóng mặt bằng nhưng chưa bàn giao mặt bằng. Trong thời gian tới, cần tiếp tục đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và thi công các gói thầu xây lắp của dự án.

- Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Thái Nguyên (Dự án I) với tổng mức vốn đầu tư trên 921 tỷ đồng (*trong đó, vốn vay ODA của JICA là hơn 712 tỷ đồng*). Hiện nay, đã lập xong báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án và tổ chức rà soát lại các phương án thiết kế. Dự kiến trong quý III/2023, đoàn khảo sát của JICA thẩm định dự án làm cơ sở để ký kết hiệp định.

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài: Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, toàn tỉnh cấp mới 15 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký đạt 116,75 triệu USD. Luỹ kến đến nay, toàn tỉnh có 185 dự án còn hiệu lực với tổng mức đầu tư là gần 10,5 tỷ USD. Tính riêng tháng 6/2023, toàn tỉnh cấp 04 dự án FDI với tổng mức đầu tư đạt 14 triệu USD.

VI. Hoạt động của doanh nghiệp

1. Tình hình đăng ký doanh nghiệp[10]

Trong 6 tháng đầu năm 2023 (*tính đến ngày 20/6/2023*), toàn tỉnh có 532 doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là trên 5 nghìn tỷ đồng; so với 6 tháng đầu năm 2022 số doanh nghiệp thành lập mới tăng 8,6% nhưng số vốn đăng ký giảm 33%. Ngoài ra, còn có 246 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động sau thời gian tạm ngừng, giảm 18,3% so với cùng kỳ. Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động là 532 doanh nghiệp, số doanh nghiệp đóng mã số thuế là 387 doanh nghiệp. So với cùng kỳ, số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động tăng 0,4% và số doanh nghiệp đóng mã số thuế tăng 0,8%.

Như vậy, số doanh nghiệp gia nhập thị trường trong 6 tháng đầu năm là 2023 la 778 doanh nghiệp, giảm 1,6% so với cùng kỳ; số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 919 doanh nghiệp mặc dù giảm 0,5% so với cùng kỳ nhưng nhiều hơn 18,1% số doanh nghiệp gia nhập thị trường. Hơn nữa, số vốn bình quân của một doanh nghiệp mới gia nhập thị trường trong 6 tháng đầu năm 2023 chỉ đạt 9,4 tỷ đồng, giảm 38,3% so với 6 tháng đầu năm 2022. Điều đó cho thất, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh cũng đang gặp khó khăn trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế.

2. Tình hình sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp

Theo khảo sát của Cục Thống kê, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/6/2023 tăng 0,05% so cùng thời điểm tháng

[10] *Nguồn số liệu từ Sở Kế hoạc và Đầu tư và Cục Thuế tỉnh.*

trước và giảm 9,84% so với cùng kỳ. Xét theo loại hình doanh nghiệp, khu vực doanh nghiệp công nghiệp Nhà nước tăng 0,03% so với tháng trước và giảm 3,31% so với cùng kỳ; doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 0,49% so với tháng trước và giảm 9,59% so với cùng kỳ và doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng 0,26% so với tháng trước và giảm 10,9% so với cùng kỳ. Xét theo ngành hoạt động, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng giảm 3,47% so với cùng kỳ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 10,15% so với cùng kỳ; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 0,74% so với cùng kỳ; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 4,87% so với cùng kỳ.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, số lao động làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp giảm 8,8% so với cùng kỳ. Xét theo loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước giảm 3,51%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 4,03%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài giảm 11,25%. Xét theo ngành hoạt động, ngành khai khoáng giảm 3,17% so với cùng kỳ; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 9,01%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 1,47% so với cùng kỳ; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải giảm 8,41%.

VII. Tài chính, ngân hàng

1. Thu, chi ngân sách nhà nước

Công tác quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm năm 2023 trên địa bàn tỉnh đã đáp ứng kịp thời kinh phí để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, đáp ứng nhu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị và thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành và các địa phương trong tỉnh.

2.1. Thu ngân sách nhà nước

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh 5 tháng đầu năm 2023 đạt 6.301,4 tỷ đồng, bằng 67,5% so cùng kỳ và đạt 27,8% dự toán. Tính đến 20/6/2023 thu ngân sách nhà nước đạt 7.099,8 tỷ đồng. Ước tính 6 tháng đầu năm 2023, thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt 8.273 tỷ đồng, đạt 41,4% dự toán cả năm 2023 và bằng 87% cùng kỳ; trong đó, thu nội địa đạt 7.238 tỷ đồng, bằng 42,8% dự toán và bằng 91,8% cùng kỳ; thu xuất nhập khẩu đạt 1.000 tỷ đồng, bằng 32,4% dự toán năm 2023 và bằng 62,9% cùng kỳ.

Về cơ cấu thu ngân sách Nhà nước 6 tháng đầu năm 2023, thu nội địa chiếm 87,5%; thu hoạt động xuất nhập khẩu chiếm 12,1% và thu quản lý qua ngân sách chiếm 0,4% tổng thu ngân sách trên địa bàn. So năm 2022, cơ cấu thu nội địa tăng 4,6%; thu xuất nhập khẩu giảm 4,6% và thu quản lý qua ngân sách tăng 0,1%.

2.2. Chi ngân sách địa phương

Chi ngân sách nhà nước địa phương 5 tháng đầu năm đạt 4.757,7 tỷ đồng, tăng 7,9% so cùng kỳ và bằng 25% so dự toán. Ước tính 6 tháng đầu năm 2023,

chi ngân sách đạt 7.251,6 tỷ đồng, bằng 38,2% dự toán và tăng 13,7% so cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển ước thực hiện 3.438 tỷ đồng, tăng 22,9% so cùng kỳ và bằng 40,9% dự toán; chi thường xuyên 3.800 tỷ đồng, tăng 6,3% so cùng kỳ và bằng 40% dự toán.

Về cơ cấu chi ngân sách nhà nước địa phương trong 6 tháng đầu năm 2023, chi thường xuyên chiếm 52,4% tổng chi, chi đầu tư phát triển chiếm 47,4%, còn lại chi các nhiệm vụ khác.

2. Ngân hàng

Ngành chức năng đã chỉ đạo các tổ chức tín dụng (TCTD) tổ chức thực hiện các giải pháp về tiền tệ, tín dụng, hoạt động ngân hàng thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao của ngành ngân hàng tại Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình mục tiêu quốc gia.

Về hoạt động huy động vốn: Tổng nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn đến thời điểm 31/5/2023 đạt 97,3 nghìn tỷ đồng, tăng 1,46% so với thời điểm 31/12/2022. Ước tính đến thời điểm 30/6/2023, tổng nguồn vốn huy động đạt 97,7 nghìn tỷ đồng, tăng 1,88% so với thời điểm 31/12/2022.

Về hoạt động tín dụng: Dư nợ cho vay đối với nền kinh tế đến thời điểm 31/5/2023 đạt 84,7 nghìn tỷ đồng, tăng 2,31% so với thời điểm 31/12/2022. Ước tính đến thời điểm 30/6/2023, dư nợ cho vay đạt 85,1 nghìn tỷ đồng, tăng 2,7% so với thời điểm 31/12/2022.

Nợ xấu là 1.903 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 2,24%/tổng dư nợ.

Kết quả thực hiện Chương trình cho vay hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội theo Nghị quyết số 11/NQ-CP:

- Triển khai thực hiện Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 về hỗ trợ lãi suất của các ngân hàng thương mại: Đến thời điểm 14/6/2023, có 07 chi nhánh ngân hàng thương mại đã thực hiện hỗ trợ lãi suất cho 40 khách hàng với doanh số cho vay được hỗ trợ lãi suất đạt 2.816 tỷ đồng, dư nợ được hỗ trợ lãi suất đạt 1.393 tỷ đồng, số tiền hỗ trợ lãi suất là 11,55 tỷ đồng.

- Triển khai thực hiện Nghị định số 36/2022/NĐ-CP về hỗ trợ lãi suất của Ngân hàng chính sách xã hội: Doanh số cho vay các chương trình tín dụng theo Nghị quyết số 11/NQ-CP trên địa bàn tỉnh đến ngày 14/6/2023 là 221,25 tỷ đồng, đạt 86,86% kế hoạch giao (*kế hoạch Trung ương giao các chương trình trong 02 năm (2022-2023) là 254,73 tỷ đồng*). Trong đó:

+ Cho vay tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm là 170 tỷ đồng với 2.947 khách hàng vay vốn, đạt 100% kế hoạch giao.

+ Cho vay nhà ở xã hội là 25,67 tỷ đồng với 80 khách hàng vay vốn, đạt 50,78% kế hoạch giao.

+ Cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh gia đình khó khăn để mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến là 9,4 tỷ đồng với 680 khách hàng vay vốn, đạt 99,79% kế hoạch giao.

+ Cho vay đối với cơ sở mầm non, tiểu học ngoài công lập là 2,1 tỷ đồng với 20 khách hàng, đạt 100% kế hoạch giao. Doanh số thu nợ là 200 triệu đồng. Dư nợ đến ngày 19/5/2023 là 1,9 tỷ đồng.

+ Cho vay thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 13,98 tỷ đồng với 348 khách hàng, đạt 61,97% kế hoạch giao.

B. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Đời sống dân cư

Từ đầu năm đến nay, dịch Covid-19 trên địa bàn đã được kiểm soát, các hoạt động kinh tế - xã hội diễn ra bình thường; giá cả các loại hàng hoá tiêu dùng, đặc biệt là giá các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu cơ bản ổn định; nhiều chính sách về người lao động, việc làm được được quan tâm, hỗ trợ theo quy định; công tác đào tạo nghề và vấn đề an toàn trong lao động cũng được chú trọng; công tác trật tự an ninh, an toàn xã hội được đảm bảo; công tác đảm bảo an sinh xã hội tiếp tục được các ngành các cấp quan tâm và thực hiện hiệu quả nên đời sống của Nhân dân trên địa bàn tỉnh cơ bản ổn định.

2. Lao động và việc làm

Trong tháng 6/2023, trên địa bàn đã tổ chức "Ngày hội tư vấn, giới thiệu việc làm và định hướng khởi nghiệp năm 2023" cho hơn 600 sinh viên thuộc các trường đại học trên địa bàn tỉnh với sự tham gia của 20 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đơn vị, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động, cung ứng việc làm, tư vấn du học… Ngày hội được tổ chức nhằm giúp cung cấp thông tin về thị trường lao động; kết nối sinh viên với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đơn vị cung ứng, tuyển dụng lao động. Qua đó, góp phần nâng cao nhận thức của sinh viên, thanh niên về nghề nghiệp, việc làm; định hướng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực của bản thân. Tại đây, sinh viên, thanh niên có nhu cầu học nghề, tìm việc làm được trải nghiệm, tìm hiểu, đánh giá năng lực bản thân; tiếp cận cơ hội việc làm tại các gian hàng tư vấn đào tạo nghề, tuyển dụng lao động, tư vấn du học. Các sinh viên năm thứ 3 còn được tham gia hội nghị bồi dưỡng nâng cao năng lực tìm kiếm việc làm; tọa đàm về định hướng khởi nghiệp.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, toàn tỉnh đã tuyển sinh và đào tạo nghề nghiệp cho 5,5 nghìn người, đạt 13,75% so với kế hoạch cả năm (*40 nghìn người*), trong đó, trình độ cao đẳng là 200 người, trình độ trung cấp là 800 người, sơ cấp và đào tạo thường xuyên là 4.500 người.

Tình hình lao động nghỉ giãn việc, thôi việc, mất việc của các doanh nghiệp tại địa phương: Trên cơ sở thông tin của ngành chức năng thu thập, tổng hợp từ 31 doanh nghiệp (*phần lớn là các doanh nghiệp ở tại các khu công nghiệp*) trên địa bàn có báo cáo về tình hình lao động việc làm, tính từ đầu tháng 4/2023 đến ngày 15/6/2023, số lao động nghỉ giãn việc, thôi việc, mất việc của các doanh nghiệp như sau:

- Số lao động nghỉ việc, giãn việc chỉ còn 10 người, đều là lao động phổ thông, giảm 2.553 người so với quý I/2023.

- Số lao động thôi việc, mất việc là 761 người, giảm 3.098 người so với quý I/2023. Trong đó, 540 người (chiếm 71%) thuộc nhóm ngành sản xuất các sản phẩm điện tử, giảm 2.040 người so với quý I/2023; 167 người (chiếm 21,9%) thuộc ngành sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác 167 người; còn lại rải rác ở một số ngành như xây dựng, sản xuất kết cấu thép, sản xuất ván ép, sản xuất kim loại…

3. Tình hình thực hiện chính sách người có công; Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em; Công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội

Ngành năng của tỉnh đã thực hiện tốt công tác chăm sóc người có công với cách mạng; nâng cao hiệu quả công tác bảo trợ xã hội; tổ chức thăm tặng quà hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và cứu trợ đột xuất các hộ có nguy cơ thiếu đói giáp Tết Nguyên đán năm 2023. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, phòng chống tệ nạn xã hội được quan tâm và triển khai có hiệu quả.

3.1. Thực hiện chính sách ưu đãi người có công

Ngành chức năng của tỉnh tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước đối với hơn 130.000 người có công với cách mạng; chỉ đạo thực hiện chi trả đúng, đủ, kịp thời trợ cấp hàng tháng cho hơn 20.000 người có công; tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hoá nhằm cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người có công được triển khai sâu rộng, thông qua các phong trào "Đền ơn đáp nghĩa'', "Uống nước nhớ nguồn'' và xây dựng xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ.

Nhân dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023, toàn tỉnh đã tổ chức các đoàn thăm, tặng quà người có công với cách mạng, trao 52.336 suất quà với giá trị là 18.761,21 triệu đồng.

Trích Quỹ Đền ơn đáp nghĩa tỉnh thực hiện hỗ trợ 22 hộ gia đình người có công, thân nhân của người có công khi gặp khó khăn hoặc khi ốm đau; khám, chữa bệnh với số tiền là 73 triệu đồng.

Thực hiện sắp xếp, chỉnh lý, bổ sung thông tin cho 1.700 hồ sơ người có công đã giải quyết chế độ trong năm 2022. Giải quyết chế độ mai táng phí cho 278 trường hợp theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định của Chính phủ với tổng số tiền là 4.138 triệu đồng.

Quyết định phê duyệt hỗ trợ trang bị dụng cụ chỉnh hình cho 05 đơn vị cấp huyện là huyện Đồng Hỷ, huyện Định Hóa, huyện Phú Lương, TP Thái Nguyên và TP Sông Công với 249 trường hợp và với số tiền là 440,17 triệu đồng.

Quyết định điều dưỡng tập trung và tại gia đình cho người có công và thân nhân của các huyện: Võ Nhai, Phú Lương, Phú Bình, Đồng Hỷ, Định Hóa, TP Thái Nguyên và TP Phổ Yên. Tổ chức điều dưỡng tập trung tại Trung tâm điều dưỡng người có công của tỉnh cho 472 đối tượng trên địa bàn huyện Đồng Hỷ, TP Thái Nguyên và TP Phổ Yên. Tổ chức điều dưỡng tập trung cho 480 người có công tại TP Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3.2. Công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em

Hỗ trợ trợ đồ ấm trị giá 100 triệu đồng cho trẻ em ở địa bàn xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi của huyện Võ Nhai. Phối hợp với tổ chức SAP-VN, Bệnh viện Chỉnh hình và phục hồi chức năng tỉnh tổ chức chương trình khám sàng lọc cho trẻ em bị khuyết tật hệ vận động năm 2023 tại các đại phương trong tỉnh; kết quả đã khám cho 265 trẻ và chỉ định phẫu thuật, cấp dụng cụ chỉnh hình cho 62 trẻ; phối hợp tổ chức Chương trình khám sàng lọc tim bẩm sinh cho trẻ em trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, kết quả có 6.310 trẻ em được khám sàng lọc, trong đó có 63 trẻ mắc bệnh tim, có 32 trẻ được chỉ định can thiệp, phẫu thuật.

Tổ chức Lễ phát động tháng hành động vì trẻ em năm 2023 với chủ đề "Chung tay giảm thiểu tổn hại trẻ em"; tại Lễ phát động đã tặng quà, học bổng, xe đạp cho 115 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt thuộc các huyện, thành phố, Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội, Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tỉnh; tiếp nhận của 33 đơn vị ủng hộ đóng góp Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Thái Nguyên với số tiền 810 triệu đồng.

3.3. Công tác giảm nghèo, bảo trợ xã hội

Công tác giảm nghèo và an sinh xã hội được quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả. Các địa phương, cơ sở tiếp tục duy trì các mô hình hỗ trợ hộ nghèo phát triển kinh tế bền vững. Tăng cường công tác đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo đặc biệt là khu vực nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Lồng ghép các hoạt động giảm nghèo trong chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Thực hiện phân bổ kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 với tổng kinh phí là 84.037 triệu đồng, trong đó, vốn sự nghiệp cấp năm 2023 là 79.833 triệu đồng (*Ngân sách Trung ương: 69.419 triệu đồng, ngân sách địa phương: 10.414 triệu đồng*).

Các địa phương tổ chức chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi thọ 90 tuổi, 95 tuổi, 100 tuổi và trên 100 tuổi dịp Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023 cho 2.390 người cao tuổi[11] với tổng số tiền là trên 2 tỷ đồng; cấp thiếp mừng thọ cho 2.225 người[12].

Triển khai kết nối phần mềm Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, với Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Thái Nguyên để quản lý, theo dõi thực hiện chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng cho 41.391 đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh.

---

[11] *Bao gồm: 276 người trên 100 tuổi; 164 người 100 tuổi; 480 người 95 tuổi; 1.470 người 90 tuổi.*

[12] *Bao gồm: 275 người trên 100 tuổi; 474 người 95 tuổi và1.458 người 90 tuổi.*

Triển khai thí điểm chi trả trợ giúp xã hội đối tượng bảo trợ xã hội tại huyện Võ Nhai, huyện Đại Từ và TP Thái Nguyên. Sau 4 tháng triển khai thực hiện thí điểm đã thực hiện chi trả cho 9.625 lượt người trong tổng số 15.134 người đang hưởng trợ cấp, đạt 63,6%[13].

4. Hoạt động văn hóa, thông tin và thể dục, thể thao

4.1. Lĩnh vực văn hóa

Hoạt động văn hoá: Tổ chức tuyên truyền, triển lãm, chiếu phim, biểu diễn nghệ thuật, mừng Đảng, mừng xuân Quý Mão năm 2023, chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, kỷ niệm 80 năm ra đời Đề cương về văn hóa Việt Nam; tham gia các hoạt động tháng 4 "Sắc màu văn hóa các dân tộc" tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam; triển khai kế hoạch tổ chức Cuộc thi sáng tác tranh thiếu nhi và Triển lãm tranh thiếu nhi tỉnh Thái Nguyên lần thứ IX năm 2023.

Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng nông thôn mới, xây dựng đô thị văn minh, công tác gia đình và văn hóa cơ sở: Ngành chức năng đã hướng dẫn đăng ký các chỉ tiêu trong thực hiện Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", kết quả đăng ký thực hiện đến năm 2023 toàn tỉnh có 97,17% gia đình văn hóa; 98,26% xóm, tổ dân phố văn hóa; 96% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

Hoạt động bảo tàng: Thực hiện công tác nghiên cứu, khảo sát, sưu tầm đợt 1 năm 2023 chủ đề "Sưu tầm tài liệu hiện vật về văn hóa các dân tộc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên"; kiểm kê khoa học, bảo quản hiện vật đợt 1, đợt 2; thực hiện số hóa hiện vật; tổ chức 03 triển lãm (*Sắc màu văn hóa Thái Nguyên; 80 năm Đề cương về Văn hóa Việt Nam; 75 năm ngày Bác Hồ ra Lời kêu gọi thi đua ái quốc*). Trong 6 tháng đầu năm 2023 đón tiếp 10.211 lượt khách tham quan tại Không gian văn hóa Trà Tân Cương và 02 phòng trưng bày chuyên đề (*Bác Hồ với Thái Nguyên, Di sản văn hóa Thần Sa và tiềm năng thiên nhiên).*

Hoạt động của khu di tích lịch sử và sinh thái ATK - Định Hóa: Tính từ đầu năm đến tháng 6 năm 2023 đón tiếp 1.617 đoàn với 183.770 lượt khách dâng hương tại Nhà tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, tham quan các di tích.

Hoạt động thư viện: Cấp 145 thẻ bạn đọc, phục vụ 16.275 lượt bạn đọc; luân chuyển 34.606 lượt sách báo; phục vụ 626 lượt bạn đọc đến tìm hiểu, học tập, tra cứu thông tin tại phòng Internet; trên 42.026 lượt truy cập website của Thư viện tỉnh (www.thuvienthainguyen.vn).

Hoạt động phát hành phim và chiếu bóng: Tổ chức 176 buổi chiếu phim, trong đó có 16 buổi phục vụ nhiệm vụ chính trị; 76 buổi phục vụ đối tượng chính sách và người có công; 84 buổi phục vụ nhân dân các xã vùng sâu, vùng xa.

---

[13] *Huyện Đại Từ: 6.415/6415 người, đạt 100%; huyện Võ Nhai: 1.005/2.740 người, đạt 36,7%; TP Phổ Yên: 2.205/5.979 người, đạt 36,8%.*

4.2. Lĩnh vực thể thao

Từ ngày 29/5 đến ngày 03/6/2023, trên địa bàn tỉnh đã diễn ra giải Thể thao các cụm, khối thi đua trực thuộc tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, năm 2023 với trên 650 vận động viên tham gia thi đấu các môn Bóng đá, Cầu lông, Bóng bàn và Kéo co. Các vận động viên tham gia là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của 19 cụm, khối thi đua trực thuộc tỉnh Thái Nguyên. Giải Thể thao đã mang đến sân chơi lành mạnh, bổ ích, góp phần nâng cao tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa các đơn vị, doanh nghiệp, địa phương. Ban tổ chức đã trao 90 giải các loại tại Giải Thể thao các cụm, khối thi đua trực thuộc tỉnh Thái Nguyên lần thứ I, năm 2023.

Công tác đào tạo học sinh năng khiếu thể dục thể thao: Tham gia thi đấu giải vô địch bóng đá nữ U16 quốc gia đạt Huy chương đồng; tham gia thi đấu giải vô địch cử tạ Thanh thiếu niên toàn quốc đạt 09 huy chương, bao gồm 01 Huy chương vàng (HCV), 04 huy chương bạc (HCB) và 04 huy chương đồng (HCĐ). Thanh lý và tuyển chọn vận động viên trẻ, học sinh năng khiếu thể thao đợt I năm 2023; tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo học sinh năng khiếu thể thao; chuẩn bị các điều kiện tập luyện, tham gia thi đấu các giải thể thao theo kế hoạch.

Thể thao thành tích cao: Duy trì tập luyện thường xuyên của các đội tuyển thể dục thể thao. Các đội tuyển thể thao của tỉnh đã tham gia 13 giải thể thao quốc gia và quốc tế; tham gia Đại hội thể thao Đông Nam Á lần thứ 32. Kết quả đạt 160 huy chương, gồm 54 HCV, 38 HCB và 68 HCĐ; trong đó có 09 huy chương (*04 HCV, 02 HCB, 03 HCĐ*) tại giải thể thao Châu Á và thế giới; 10 huy chương (*06 HCV, 04 HCĐ*) tại SEA Games 32. Cung cấp cho đội tuyển quốc gia 30 vận động viên và 02 huấn luyện viên.

4.3. Hoạt động quảng bá, xúc tiến, tư vấn thông tin du lịch

Tổ chức thành công Hội nghị xúc tiến quảng bá du lịch Thái Nguyên tại thành phố Hà Nội năm 2023; tiếp tục duy trì hiệu quả công tác quảng bá, xúc tiến du lịch Thái Nguyên trên Website du lịch Thái Nguyên, Cổng du lịch thông minh và các kênh quảng bá trên nền tảng mạng xã hội.

Tổ chức và tham gia 04 Hội chợ trưng bày, quảng bá tiềm năng, sản phẩm du lịch, gồm: Ngày hội Du lịch thành phố Hồ Chí Minh năm 2023, Hội chợ Du lịch Quốc tế VITM Hanoi năm 2023, Lễ hội văn hóa ẩm thực ba miền Bắc - Trung - Nam và Hà Giang năm 2023, Hội chợ triển lãm "Công thương - OCOP Thái Nguyên 2023". Trưng bày ấn phẩm quảng bá du lịch tỉnh Thái Nguyên tại Hội chợ quốc tế Trà An Huy - Trung Quốc lần thứ 16 năm 2023. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tư vấn, kết nối, hỗ trợ các công ty lữ hành và khách du lịch có nhu cầu đến du lịch Thái Nguyên. Biên tập, xuất bản 03 ấn phẩm quảng bá du lịch Thái Nguyên gồm: Bản đồ Du lịch Thái Nguyên, Khu di tích quốc gia đặc biệt ATK Định Hóa và Trải nghiệm du lịch cộng đồng tại Thái Nguyên với số lượng 2.500 cuốn.

5. Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Công tác khám, chữa bệnh: Nhìn chung ngành y tế đảm bảo triển khai tốt các chương trình y tế và các nhiệm vụ chuyên môn khám, chữa bệnh cho Nhân

dân. Nâng cao chất lượng cung ứng các dịch vụ y tế, các hoạt động chuyển đổi số trong khám, chữa bệnh như: Kê đơn bằng hình thức điện tử, liên thông dữ liệu giấy khám sức khỏe lái xe, các cơ sở y tế, bệnh viện sử dụng thẻ Căn cước công dân gắn chíp điện tử tích hợp thẻ Bảo hiểm y tế trong khám chữa bệnh, các cơ sở y tế khai báo lưu trú trên ứng dụng định danh quốc gia VneID để phục vụ công tác phòng ngừa tội phạm, quản lý cư trú. Tiếp tục cải cách hành chính trong khám chữa bệnh, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin lĩnh vực y tế.

Kết quả khám chữa bệnh bảo hiểm y tế (BHYT): Tính từ 01-20/6/2023, tổng số lượt khám chữa bệnh BHYT trên địa bàn tỉnh là 94.104 lượt (*14.457 lượt nội trú và 79.647 lượt ngoại trú*). Lũy tích năm 2023, số lượt khám bệnh BHYT là 885.838 lượt (*trong đó, nội trú 134.197 lượt; ngoại trú 751.641 lượt*).

Tình hình dịch Covid-19: Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 22/6/2023 tỉnh Thái Nguyên ghi nhận 138 ca mắc Covid-19. Tính từ 01/01/2023 đến 22/6/2023 toàn tỉnh ghi nhận 4.889 trường hợp mắc Covid-19, không có trường hợp tử vong. Lũy tích từ đầu dịch đến nay toàn tỉnh ghi nhận 348.037 trường hợp mắc Covid-19, tử vong 118 trường hợp.

Số ca mắc Covid-19 tại các Bệnh viện điều trị Covid-19 trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận 18.852 bệnh nhân. Trong đó, hiện đang điều trị 09 bệnh nhân; khỏi bệnh ra viện 18.726 bệnh nhân; tử vong 117 bệnh nhân; quản lý, điều trị tại nhà/nơi lưu trú 328.229 bệnh nhân (*hiện đang quản lý, điều trị tại nhà là 24 bệnh nhân; đã được công bố khỏi bệnh 328.229 bệnh nhân; tử vong 01 bệnh nhân*). Từ đầu dịch đến nay tỉnh đã chuyển điều trị tại Bệnh viện Bệnh nhiệt đới Trung ương 931 bệnh nhân. Hiện tại tỉnh Thái Nguyên vẫn ở Cấp độ 1 của dịch

Công tác triển khai tiêm phòng Covid-19 trên địa bàn tỉnh (tính đến ngày 22/6/2023):

- Người từ 18 tuổi trở lên (892.803 người): Số tiêm ít nhất 1 mũi: 887.328 người (đạt 99,4%); số tiêm 2 mũi: 886.566 người (đạt 99,3%); số tiêm mũi nhắc lại lần 1: 694.862 liều/786.658 người (đạt 88,3%); số tiêm mũi nhắc lại lần 2: 243.860 liều/255.068 người (đạt 95,6%).

- Trẻ em từ 12 đến dưới 18 tuổi (116.561 trẻ): Số tiêm ít nhất 1 mũi: 115.836 trẻ (đạt 99,4%); số tiêm 2 mũi: 115.758 trẻ (đạt 99,3%); số tiêm mũi nhắc lại lần 1: 98.643 liều/114.272 trẻ (đạt 86,3%).

- Trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi (160.179 trẻ): Số tiêm ít nhất 1 mũi: 156.818 trẻ (đạt 97,9%); số tiêm 2 mũi: 140.420 trẻ (đạt 87,7%).

Tình hình các bệnh truyền nhiễm khác: Trong kỳ báo cáo (*từ ngày 21/5 đến ngày 22/6/2023*) toàn tỉnh có 05 ca sốt xuất huyết; 18 ca tay chân miệng; 03 ca quai bị; 01 ca sốt phát ban dạng sởi/rubella và 90 ca thủy đậu. Trong đó, tính riêng từ 01-22/6/2023 toàn tỉnh có 06 ca tay chân miệng; 01 ca sốt xuất huyết.

Tính từ đầu năm đến ngày 22/6/2023 số ca sốt phát ban dạng sởi/rubella là 02 ca; số ca quai bị là 15; tay chân miệng là 67; sốt xuất huyết 18 ca và thủy đậu 457

ca. So với cùng kỳ, số ca quai bị tăng 03; tay chân miệng tăng 18 ca; sốt xuất huyết tăng 05 ca và thủy đậu tăng 90 ca.

Tình hình lây nhiễm HIV/AIDS: Lũy tích đến ngày 31/5/2023 số người nhiễm HIV/AIDS là 9.183 người, giảm 76 người so với cùng kỳ năm 2022. Số tử vong do HIV/AIDS là 4.690 người, tăng 164 người so với cùng kỳ năm 2022. Tính riêng trong tháng 5/2023, toàn tỉnh phát hiện mới 06 người nhiễm; có 13 trường hợp tử vong do HIV/AIDS. So với cùng kỳ số người nhiễm mới giảm 05 người và số trường hợp tử vong do HIV/AIDS tăng 10 người.

Công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm: Từ đầu năm đến nay trên địa bàn tỉnh không xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm tập thể.

Công tác dân số: Theo số liệu tổng hợp của ngành chức năng công tác dân số được quan tâm duy trì thường xuyên. Tổng số trẻ sinh ra trong 5 tháng đầu năm 2023 là 4.575 trẻ, trong đó trẻ nam là 2.470, trẻ nữ là 2.105; tỷ số giới tính khi sinh là 117,3 nam/100 nữ; số trẻ sinh là con thứ 3 trở lên là 766 trẻ, chiếm 16,7%.

So với cùng kỳ số trẻ em sinh ra trong 5 tháng đầu năm giảm 10,7% (*tương đương giảm 547 trẻ*), trong đó trẻ em nam giảm 12% (-337 trẻ); trẻ em nữ giảm 9,1% (-210 trẻ). Ước tính 6 tháng năm 2023, tổng số trẻ sinh ra là 5.515 trẻ, tỷ số giới tính khi sinh là 116,7 nam/100 nữ; số trẻ sinh là con thứ 3 trở lên là 898 trẻ, chiếm 16,3%.

6. Giáo dục, đào tạo

Ngành giáo dục và đào tạo đã chủ động xây dựng các phương án triển khai thực hiện khung kế hoạch năm học các năm của từng cấp học; thực hiện công tác rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục, giảm điểm trường lẻ theo kế hoạch. Mạng lưới trường, lớp các cấp học được củng cố, phát triển, có cơ cấu hợp lý, đáp ứng được cơ bản nhu cầu học tập; cơ sở vật chất giáo dục tiếp tục được tăng cường theo hướng kiên cố hoá, hiện đại hoá; các chỉ tiêu về phát triển quy mô số lượng học sinh ở các cấp học đều đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra; đội ngũ giáo viên từng bước được nâng cao về chất lượng, đảm bảo về số lượng; công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia đạt kết quả cao; chất lượng giáo dục được duy trì vững chắc, tỷ lệ học sinh khá giỏi các cấp học tăng, học sinh yếu kém giảm; giáo dục mũi nhọn được quan tâm đầu tư và có nhiều tiến bộ.

Ngành giáo dục của tỉnh đã chủ động xây dựng các phương án triển khai thực hiện khung kế hoạch năm học của từng cấp học; chuẩn bị các điều kiện cho công tác tuyển sinh vào lớp 1, lớp 6 và kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10, kỳ thi tốt nghiệp Phổ thông trung học (THPT) năm 2023; tham mưu xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh quy định chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa và hỗ trợ học phí đối với trẻ em nhà trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc tỉnh quản lý.

Toàn tỉnh hiện có 686 trường mầm non và phổ thông với loại hình đa dạng, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của con em trên địa bàn. Hiện nay, ngành chức năng đang tiến hành rà soát mạng lưới trường, lớp, học sinh; đầu tư xây

dựng, nâng cấp, mở rộng quy mô trường học, quan tâm đẩy mạnh công tác xã hội hóa, phát triển loại hình trường ngoài công lập. Tích cực phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương thực hiện cấp phép cho 03 trường THPT đi vào hoạt động giáo dục từ năm học 2023-2024, trong đó có 02 trường THPT công lập và 01 trường THPT ngoài công lập.

Tỷ lệ kiên cố hóa phòng học đạt 90,3%; 6/6 trường phổ thông dân tộc nội trú được đầu tư nâng cấp, mở rộng. Đến tháng 6/2023, toàn tỉnh có 602/686 trường đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 87,75%.

Công tác thi tốt nghiệp THCS và tuyển sinh vào lớp 10: Tổng số học sinh lớp 9 đỗ tốt nghiệp THCS toàn tỉnh là 18.848 học sinh. Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 THPT (*công lập và ngoài công lập*) là 13.961 học sinh. Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 hệ giáo dục thường xuyên (GDTX) tại các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên GDTX tỉnh là 1.902 học sinh. Tổng số chỉ tiêu tuyển sinh vào các trường nghề, trung cấp, cao đẳng có học chương trình GDTX là 5.640 học sinh (*có cả học sinh trong và ngoài tỉnh*). Trong tháng 6/2023, toàn tỉnh đã tổ chức thành công Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023.

Công tác chuẩn bị thị tốt nghiệp THPT: Để chuẩn bị tốt cho việc tổ chức thi, tuyển sinh năm 2023, UBND tỉnh vừa ban hành Chỉ thị về tăng cường chỉ đạo, phối hợp tổ chức Kỳ thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2023. Các ngành chức năng chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về nhân lực, vật lực… để tổ chức Kỳ thi, nhất là trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, bất thường. Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 sẽ được tổ chức vào các ngày 27, 28, 29 và 30/6. Toàn tỉnh có trên 16 nghìn thí sinh đăng ký dự thi, tổ chức 31 điểm thi với 703 phòng thi.

7. Tình hình trật tự an toàn giao thông

Tình hình tai nạn giao thông: Theo báo cáo của Ban An toàn giao thông tỉnh, tháng 6/2023 trên địa bàn tỉnh xảy ra 20 vụ tai nạn giao thông làm 01 người chết và 24 người bị thương. Trong đó, tai nạn liên quan đến ô tô là 06 vụ (chiếm 30%); liên quan đến mô tô là 12 vụ (chiếm 60%) và liên quan đến phương tiện khác 02 vụ (chiếm 10%). Thiệt hại tài sản ước tính khoảng 221 triệu đồng. So với cùng kỳ năm 2022, số vụ tai nạn tăng 11 vụ (+122,2%); số người chết tăng 01 người (*cùng kỳ không có người chết*) và số người vị thương tăng 13 người (+118,2%).

Tính chung 6 tháng đầu năm 2022, trên địa bàn tỉnh xảy ra 42 vụ tai nạn giao thông làm 03 người chết và 47 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2022, giảm cả 03 tiêu chí là số vụ tại nạn, số người chết và số người bị thương; cụ thể: giảm 09 vụ tai nạn (-17,6%); giảm 09 người chết (-75%) và giảm 02 người bị thương (-4,1%).

Từ đầu năm đến nay, không xảy ra tai nạn giao thông trên đường sắt và đường thủy nội địa.

Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự, an toàn giao thông:

- *Đường bộ*: Trong tháng 6/2023, ngành chức năng đã kiểm tra lập biên bản xử lý vi phạm 4.447 trường hợp; tước 1.416 giấy phép lái xe (GPLX); tạm giữ 73 xe ô tô, 1.831 xe mô tô; 01 phương tiện khác; số tiền xử phạt là 9.119 triệu đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023, phát hiện và xử lý 19.046 trường hợp vi phạm, tăng 24,7% so cùng kỳ; tước 5.296 GPLX, gấp 3,2 lần cùng kỳ; số tiến xử phạt là gần 37 tỷ đồng, gấp 2,1 lần cùng kỳ.

- *Đường thủy nội địa*: xử lý vi phạm qua Cổng dịch vụ công Quốc gia: 03 trường hợp vi phạm, thu nộp KBNN 2,2 triệu đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023, xử lý 14 trường hợp vi phạm đường thủy, thu nộp ngân sách Nhà nước 9,7 triệu đồng. So với cùng kỳ, giảm 11 vụ vi phạm và số tiền thu nộp ngân sách giảm 45,6 triệu đồng.

- *Đường sắt*: Không phát hiện vi phạm giao thông trên đường sắt.

Công tác quản lý phương tiện giao thông: Trong tháng 6/2023, toàn tỉnh cấp đăng ký mới cho 2.674 phương tiện. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023, tổng số phương tiện đăng ký mới trên địa bàn tỉnh là 973.182 xe. So với cùng kỳ, tổng số phương tiện đăng ký mới tăng 41.215 xe (+4,42%).

8. Tình hình thiên tai

Tính từ ngày 20/5 đến ngày 22/6/20223 trên địa bàn xảy ra 03 đợt mưa dông gây ra một số thiệt hại tại các địa phương *(chủ yếu ở TP Thái Nguyên, TP Sông Công, huyện Phú Bình và huyện Định Hóa*). Sơ bộ thiệt hại tính đến ngày 22/6/2023 như sau: Không có thiệt hại về người, ước tính giá trị thiệt hại khoảng 944,5 triệu đồng. Ngành chức năng của tỉnh đang tiếp tục triển khai kiểm tra, rà soát, thống kê đánh giá thiệt hại. So với cùng kỳ số đợt thiên tai tăng 02 đợt và giá trị thiệt hại tăng 917,2 triệu đồng.

Lũy kế từ đầu năm đến ngày 22/6/2023 trên địa bàn tỉnh xảy ra 05 đợt thiên tai với tổng thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 14,81 tỷ đồng, giảm 03 đợt và giá trị tài sản bị thiệt hại do thiên tai giảm 9,2 tỷ đồng so với cùng kỳ.

9. Công tác phòng chống cháy, nổ

Tính từ ngày 16/5/2023 đến 15/6/2023 trên địa bàn tỉnh xảy ra 07 vụ cháy tăng 6 vụ so cùng kỳ. Các vụ cháy đều không gây thiệt hại về người, thiệt hại về tài sản ước tính khoảng 1.493 triệu đồng. Nguyên nhân cháy do chập điện 04 vụ (*chiếm 57,14%*); 03 vụ còn lại ngành chức năng đang điều tra làm rõ nguyên nhân.

Lũy kế 6 tháng 2023 trên địa bàn có 28 vụ cháy. Các vụ cháy không gây thiệt hại về người, giá trị thiệt hại khoảng 6.235,15 triệu đồng. So với lũy kế 6 tháng năm 2022, số vụ cháy tăng 15 vụ và giá trị thiệt hại gấp khoảng 11,6 lần.

10. Vi phạm môi trường

Tháng 6/2023 không có vụ vi phạm môi trường nào, tương đương cùng kỳ; Trong quý II/2023 có 01 vụ (*giảm 1 vụ so cùng kỳ 2022*) và giá trị thiệt hại 180,6 triệu đồng (*tăng 80,6 triệu đồng so cùng kỳ*). Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023, trên

địa bàn tỉnh phát hiện và xử lý 02 vụ vi phạm môi trường, số tiền xử phạt là 530,6 triệu đồng. So với cùng kỳ, số vụ vi phạm đã phát hiện và đã xử lý giảm 08 vụ và số tiền xử phạt vi phạm giảm 15,4 triệu đồng.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Gần một nửa chặng đường phát triển kinh tế của năm 2023 đã đi qua, các hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Nhận thức rõ những khó khăn, thách thức rất lớn của năm nay, ngay từ đầu năm, các cấp chính quyền địa phương toàn tỉnh đã rất quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành với tinh thần kỷ cương, linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả để kịp thời đối mặt và chủ động vượt qua khó khăn, thách thức. Bên cạnh đó, nhiều chính sách, quyết sách quan trọng đã được Chính phủ, các Bộ ngành ban hành nhằm gỡ khó cho người dân và doanh nghiệp. Do đó, kinh tế - xã hội của tỉnh trong 6 tháng đầu năm 2023 đã đạt được một số kết quả quan trọng và đáng khích lệ, đó là:

- Tăng trưởng kinh tế của tỉnh 6 tháng đầu năm 2023 đạt 5,17%, mặc dù chưa đạt mức cao như kỳ vọng nhưng đây là nỗ lực của cả hệ thống chính trị, của từng doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh nhằm hạn chế thấp nhất khó khăn và tận dụng mọi cơ hội để tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế, kiềm chế lạm phát và đảm bảo các cân đối lớn.

- Lạm phát được kiểm soát tốt, CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2023 chỉ tăng 1,39% so với cùng kỳ; đây là mức tăng thấp nhất vòng 5 năm trở lại đây[14]. Điều này đã góp phần ổn định đời sống của người dân trên địa bàn tỉnh.

- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính 6 tháng đầu năm 2023 tăng 37,5% so với cùng kỳ, nếu loại trừ yếu tố giá thì mức tăng là gần 35,6%. Trong đó, riêng dịch vụ lưu trú, ăn uống gấp hơn 2,5 lần cùng kỳ. Tăng trưởng của khu vực dịch vụ đóng vai trò khá quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong bối cảnh tăng trưởng của khu vực công nghiệp đang gặp khó khăn.

Bên cạnh những kết quả đạt được như trên, kinh tế của tỉnh vẫn đang phải đối mặt với "cơn gió ngược" khi nhu cầu bên ngoài suy yếu, tiếp tục tạo áp lực lên xuất khẩu, dẫn đến sản xuất công nghiệp bị ảnh hưởng. Cụ thể:

- Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 6 tháng đầu năm 2023 chỉ tăng 4,14% so với cùng kỳ, mức tăng thấp thứ 2 (*chỉ cao hơn năm 2020 giảm 5,05% do ảnh hưởng của dịch Covid-19*) trong vòng 5 năm trở lại đây[15].

- Giá trị xuất khẩu hàng hoá 6 tháng đầu năm 2023 ước giảm 21,7% so với cùng kỳ, mức giảm sâu nhất trong vòng 5 năm trở lại đây (*sâu hơn mức giảm*

---

[14] *Mức tăng CPI bình quân 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2019-2023 lần lượt là: 2,31%; 6,27%; 0,68%; 2,40% và 1,39%.*

[15] *IIP 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ của các năm trong giai đoạn 2019-2023 lần lượt là: 107,96%; 94,95%; 108,62%; 108,58%; 104,14%.*

18,2% của năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19). Suy giảm xuất khẩu sẽ ảnh hưởng đến sản xuất công nghiệp.

- Giá trị nhập khẩu hàng hoá 6 tháng đầu năm 2023 ước giảm 26,3% so với cùng kỳ. Điều này cũng phần nào phản ánh sản xuất công nghiệp gặp khó khăn do chủ yếu các mặt hàng nhập khẩu của tỉnh là nguyên, phụ liệu, máy móc, thiết bị phụ tùng phục vụ sản xuất.

Những khó khăn phải đối mặt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian qua và cả trong những tháng còn lại của năm 2023 là rất lớn, việc hoàn thành mục tiêu tăng trưởng 8,5% năm 2023 là một thách thức lớn. Với mức tăng trưởng 5,17% của 6 tháng đầu năm 2023, để đạt được mục tiêu này thì bình quân mỗi quý còn lại của năm 2023 tăng trưởng phải đạt khoảng 11,3%, trong đó, khu vực công nghiệp phải tăng 14,2%; khu vực dịch vụ phải tăng khoảng 9,5%. Điều này là rất khó đạt được trong bối cảnh hiện nay, nhất là trên nền tăng trưởng cao của quý III và quý IV năm 2022 (*quý III/2022 tăng 11,16%; quý IV/2022 tăng 8,88%*).

Tuy nhiên, các cấp, các ngành, cả hệ thống chính trị của tỉnh ta cần tiếp tục nỗ lực, phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tìm ra cơ hội bù đắp những thiếu hụt trong tăng trưởng. Muốn vậy, các ngành, các địa phương theo lĩnh vực quản lý cần bám sát tình hình thực tế, tham mưu kịp thời các cấp có thẩm quyền đưa các giải pháp cụ thể để thúc đẩy phát triển các ngành, các lĩnh vực.

Trước mắt, trong khi sản xuất, xuất khẩu còn phụ thuộc vào bên ngoài thì động lực quan trọng nhất để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế chính là tăng năng lực sản xuất, giá trị sản phẩm của các dự án dự kiến hoàn thành đi vào hoạt động trong năm 2023; phát triển khu vực dịch vụ, tiếp tục thực hiện có hiệu quả các Chương trình xúc tiến thương mại, đẩy mạnh sức mua. Đẩy mạnh giải ngân đầu tư công có thể hỗ trợ tổng cầu và tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn, đồng thời chú trọng đầu tư vào nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng để thúc đẩy phát triển kinh tế trong dài hạn; tiếp tục có chính sách hỗ trợ người lao động giúp doanh nghiệp giữ chân người lao động trong giai đoạn khó khăn.

Trên đây là báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2023 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên./.

Nơi nhận:
- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các ngành tổng hợp;
- Bí thư; Chủ tịch các huyện, TP;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH THÁI NGUYÊN
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Trần Quang